



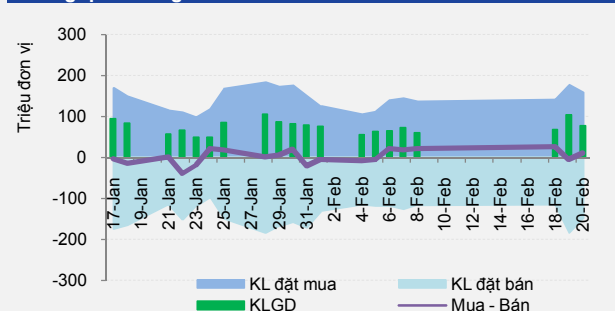
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 20/2/2013

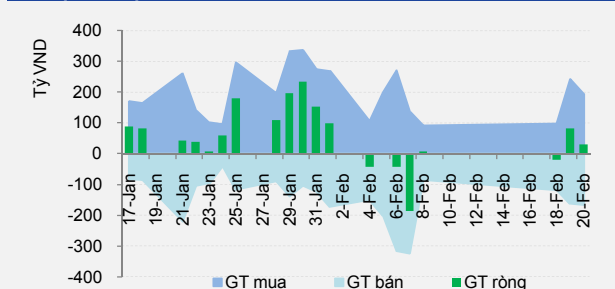
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	494.8	67.0
% Thay đổi	↑ 0.8%	↑ 1.1%
KLGD (CP)	78,546,816	81,156,149
GTGD (tỷ đồng)	1,199.90	700.16
Tổng cung (CP)	147,733,170	107,866,400
Tổng cầu (CP)	158,949,860	135,689,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,209,526	1,340,900
KL mua (CP)	7,328,086	4,124,400
GTmua (tỷ đồng)	195.58	44.06
GT bán (tỷ đồng)	164.70	12.52
GT ròng (tỷ đồng)	30.87	31.53

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.70%	8.1	1.5	2.6%
Công nghiệp	↑ 0.89%	14.0	1.0	18.4%
Dầu khí	↑ 0.60%	6.7	1.2	2.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 2.16%	6.7	1.2	1.6%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.63%	6.1	2.1	0.9%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.68%	11.9	4.8	11.2%
Ngân hàng	↑ 0.19%	6.4	1.6	10.9%
Nguyên vật liệu	↑ 0.25%	8.5	2.0	14.4%
Tài chính	↑ 1.13%	33.4	3.2	33.1%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.76%	8.8	2.8	4.6%
VN - Index	↑ 0.83%	14.1	3.0	63.4%
HNX - Index	↑ 1.13%	19.3	1.5	36.6%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	909,044	1.2%	1,473,920	1.9%
GTGD (triệu VND)	19,085	1.6%	22,323	2.0%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Cả hai chỉ số VN-Index và HNX-Index đều tăng điểm trở lại sau phiên giảm điểm với khối lượng giao dịch lớn ngày hôm qua. Phiên tăng điểm này đã phần nào đã hạn chế được tín hiệu áp lực cung. Trong một vài phiên tới thị trường có thể điều chỉnh để kiểm định lại tín hiệu áp lực cung nhưng chúng tôi nghiêng về khả năng thị trường vẫn tiếp tục xu hướng tăng trung hạn.

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 494.83 điểm, tăng 4.05 điểm tương ứng với mức 0.83% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 75.89 triệu đơn vị, giảm 25.06% so với phiên trước.

- HNX-Index tăng điểm khá mạnh lên mức 67 điểm, tăng 0.75 điểm tương ứng với mức 1.13% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 80.86 triệu đơn vị, giảm 20.64% so với phiên trước.

- Đa số cổ phiếu có vốn hóa lớn đều tăng điểm nhẹ trong phiên hôm nay. Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn tăng điểm như GAS tăng 0.87%, MSN tăng 1.75%, VCB tăng 0.59%, VNM tăng 2.97%, HAG tăng 1.65%...

- Theo NHNN, dư nợ cho vay toàn hệ thống ngân hàng đến 19/02 giảm 0.16% so với cuối năm 2012. Như vậy tăng trưởng tín dụng có cải thiện so với mức -1.06% của tháng 1/2013 và mức -2.51% trong 2 tháng đầu năm 2012. Theo chu kỳ, tăng trưởng tín dụng thời điểm Tết thường không cao, khi Ngân hàng có xu hướng ưu tiên hơn đến yếu tố thanh khoản, thay vì giải ngân nguồn vốn. Do vậy, mức giảm tăng trưởng tín dụng có cải thiện là thông tin bước đầu tích cực, trong bối cảnh dòng tiền ra nền kinh tế yếu như hiện nay. Tuy nhiên, việc thiếu số liệu về điểm đến của dòng tín dụng, cũng như số liệu tăng trưởng tín dụng còn thấp hơn nhiều mức mục tiêu 12% của năm 2013 chưa cho nhiều tín hiệu tích cực về nền kinh tế.

- Ngày 19/2, Thủ tướng đã họp với các Bộ, ngành Trung ương, đánh giá tình hình và chỉ đạo nhiệm vụ nhằm hoàn thành mục tiêu về kinh tế xã hội năm 2013. Theo dự báo của các Bộ, ngành, chỉ số CPI tháng 2 tăng từ 1.3 – 1.4%, mức thấp nếu xét theo yếu tố mùa vụ thời điểm Tết Nguyên đán, nhưng xét lũy kế đã tăng khoảng 7.5%, cao hơn mức mục tiêu 6-6.5% của năm 2013. Thủ tướng yêu cầu các Bộ ngành quyết liệt kiểm soát lạm phát ngay từ đầu năm; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh; xử lý nợ xấu; quyết liệt hơn nữa trong thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế. Như vậy mục tiêu kiểm soát lạm phát, tạo nền tảng cho ổn định vĩ mô đang là nhiệm vụ ưu tiên trong bối cảnh hiện tại.

- NĐTNN mua ròng khá mạnh nhóm cổ phiếu Bluechips trong phiên giao dịch xác định giá đóng cửa. Thông tin nhà đầu tư kỳ vọng thời điểm hiện tại là 1/ động thái tái cơ cấu danh mục định kỳ của các quỹ ETF; và 2/ thông tin chi tiết hơn về những văn bản pháp quy liên quan đến xử lý nợ xấu, hàng tồn kho BĐS, dự kiến được ban hành trong Quý 1.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 494.83 điểm, tăng 4.05 điểm tương ứng với mức 0.83% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm khá mạnh so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm break qua mức kháng cự 490 điểm tuy nhiên tín hiệu break là chưa thực sự thuyết phục khi mà mức tăng không mạnh cũng như chưa có sự ủng hộ của khối lượng. Với tín hiệu break không thuyết phục thì chỉ số VN-Index đã điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ tuy nhiên khối lượng giao dịch lại tăng đột biến mạnh.

- Chỉ báo RSI phân kỳ với chỉ số VN-Index.

- Mức kháng cự trung hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 525 điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm trở lại sau phiên giảm điểm với khối lượng giao dịch lớn ngày hôm qua. Phiên tăng điểm này đã phần nào đã hạn chế được tín hiệu áp lực cung. Có thể chỉ số VN-Index sẽ điều chỉnh một lần nữa để kiểm định lại tín hiệu áp lực cung nhưng khả năng chính là chỉ số VN-Index vẫn tiếp tục xu hướng tăng trung hạn.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng điểm khá mạnh lên mức 67 điểm, tăng 0.75 điểm tương ứng 1.13% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm khá mạnh so với phiên trước và ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index tiếp cận khu vực kháng cự mạnh là mức kháng cự hội tụ của đỉnh cũ 63.7 điểm và mức kháng cự của MA200 thì đã sideway quanh mức này trong năm phiên giao dịch. Khi HNX-Index tiếp cận gần đến mức hỗ trợ của trendline thì đã tăng điểm mạnh và break qua mức kháng cự này. Sau bốn phiên tăng điểm liên tiếp thì chỉ số HNX-Index đã điều chỉnh với mức giảm điểm nhẹ tuy nhiên khối lượng giao dịch lại tăng đột biến.

- Chỉ báo RSI phân kỳ với chỉ số HNX-Index.

- Mức kháng cự trung hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 68-69 điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm trở lại sau phiên giảm điểm với khối lượng giao dịch lớn ngày hôm qua. Phiên tăng điểm này đã phần nào đã hạn chế được tín hiệu áp lực cung. Có thể chỉ số HNX-Index sẽ điều chỉnh một lần nữa để kiểm định lại tín hiệu áp lực cung nhưng khả năng chính là chỉ số HNX-Index vẫn tiếp tục xu hướng tăng trung hạn.

**Khuyến nghị đang mở**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Hiệu suất tạm tính (%)
PGC	06/02/2014		Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33

Khuyến nghị đã đóng

Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Khuyến nghị	Giá khuyến	Giá mục	Giá	Giá đóng	Hiệu suất
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Tính đến ngày 18/2/2013, đã có 513 doanh nghiệp công bố BCTC Q4 hợp nhất, với 396 doanh nghiệp báo lãi, chiếm 77%.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ phiếu có EPS cao nhất, nhóm cổ phiếu thuộc danh mục của quỹ VNM ETF để nhà đầu tư tiện tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ EPS CAO NHẤT

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E Ngành	Beta	PB	Hàng tồn kho
	QIV/2012											
HGM	37	-7.46%	271	21,155	41,833	48.12%	60.02%	4.73	17.70	0.01	2.39	10
TCT	3	12.19%	3,594	16,795	52,747	33.22%	35.86%	5.23	7.44	0.10	1.67	1
DPR	173	-34.22%	5,772	16,245	47,932	28.68%	35.83%	3.20	4.65	0.32	1.08	0
QTC	12	28.09%	7,388	12,570	37,078	16.80%	36.49%	2.39	11.12	0.46	0.81	13
CAP	11	19.15%	5,582	12,005	27,429	20.44%	47.30%	3.25	17.70	0.56	1.42	21
TRC	119	-33.40%	3,667	11,613	44,750	23.13%	28.20%	4.05	4.65	0.41	1.05	76
VCF	152	44.10%	1,267	11,431	36,007	31%	36%	18.20	12.03	0.42	5.78	238
LHC	9	30.49%	2,688	11,426	40,856	14.48%	30.29%	2.85	11.12	0.42	0.80	6
SLS	1	#N/A	229	10,330	23,145	26.85%	52.20%	2.23	12.03	0.00	0.99	66
BMP	98	21.34%	36,105	10,231	36,344	27.62%	30.85%	5.38	11.12	0.55	1.51	337

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NHÓM CỔ PHIẾU THUỘC DANH MỤC QUỸ VIETNAM MARKET VECTOR ETF

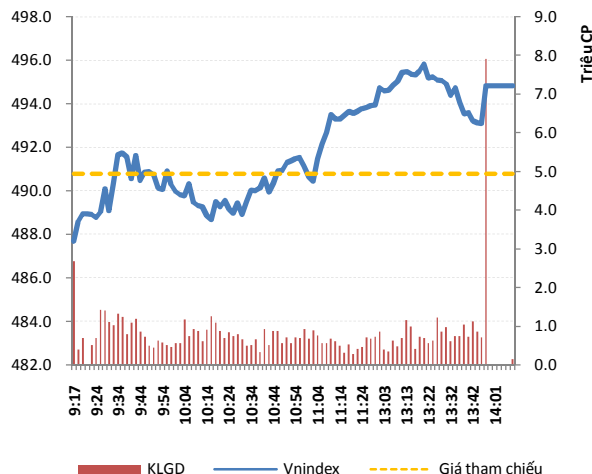
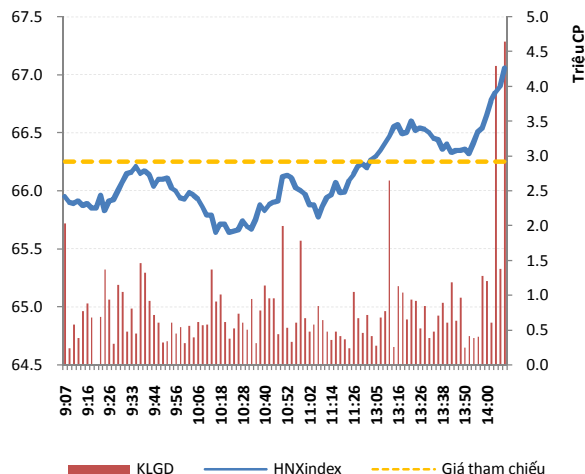
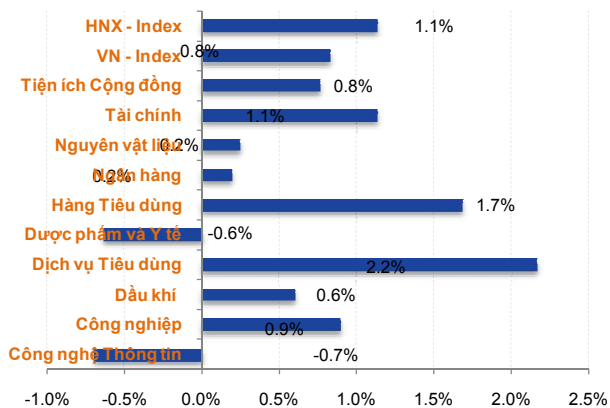
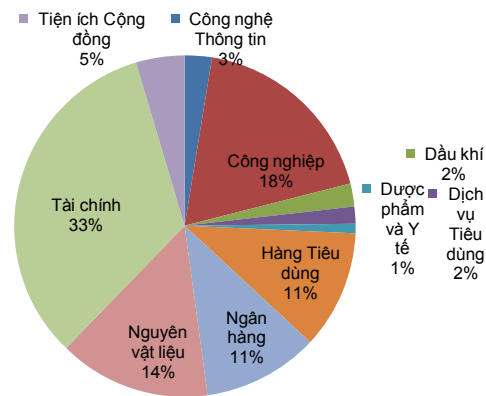
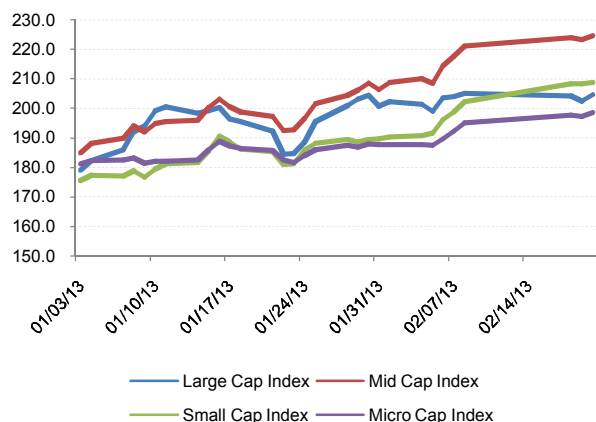
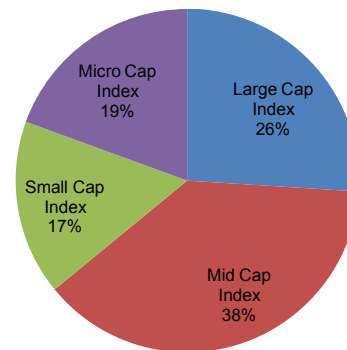
Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	SLCP năm giữ	Beta	PB	Hàng tồn kho
	Q4.2012											
BVH	304	4.25%	575,138	1,835	17,705	2.78%	10.53%	32.43	14,142,686	2.01	3.36	123
VCB	4,270	81.09%	418,361	1,832	17,801	1.07%	10.75%	18.62	19,471,978	1.37	1.92	#N/A
VIC	373	110.08%	279,113	2,041	11,374	3.44%	18.42%	32.83	8,784,804	0.39	5.89	17,385
DPM	533	-2.47%	542,892	7,996	23,731	30.38%	35.13%	5.68	11,647,940	1.24	1.91	1,186
STB	0	-	386,884	734	13,771	0.49%	5.11%	30.10	20,050,910	0.65	1.60	#N/A
PVS	230	-17.42%	642,865	3,119	13,922	4.92%	17.91%	5.00	26,434,950	0.81	1.12	574
PPC	548	15447%	1,003,187	1,948	13,049	5.19%	17.45%	8.78	24,901,320	0.83	1.31	945
HAG	0	-	1,070,766	936	18,016	1.86%	5.28%	32.92	11,284,103	1.55	1.71	0
VCG	88	294.95%	2,107,498	220	11,589	0.22%	1.52%	63.27	25,296,797	2.01	1.20	7,524
OGC	0	-	1,211,779	424	11,134	1.34%	3.79%	35.63	21,189,606	1.57	1.36	0
PVD	254	32.10%	284,891	6,260	33,235	7.02%	19.98%	7.03	5,215,446	1.02	1.32	789
ITA	1	-75.65%	6,825,917	40	13,218	0.19%	0.31%	235.16	27,991,509	1.92	0.72	3,350
PVF	#N/A	#N/A	1,332,303	76	11,074	0.05%	0.67%	178.06	17,180,762	2.57	1.22	#N/A
HPG	178	-19.51%	1,267,049	420	20,198	0.96%	2.21%	62.60	7,999,600	1.29	1.30	6,769
GMD	29	1551.91%	328,041	925	39,863	1.49%	2.35%	30.69	6,059,026	1.68	0.71	60
PVX	0	-	7,828,960	-1,001	9,264	-1.84%	-9.01%	-8.29	19,089,868	2.43	0.90	0
SJS	-175	-143.74%	574,870	-3,036	15,448	-5.70%	-17.84%	-8.07	6,050,190	1.04	1.59	4,334
SHB	0	-	14,528,190	-1	10,727	0.00%	-0.01%	-8,483.43	60	2.06	0.76	#N/A
HSG	125	70.41%	429,925	4,027	21,038	6.92%	20.07%	7.80	4	1.61	1.49	1,129
DIG	-31	-101.26%	324,871	291	18,709	0.83%	1.70%	53.61	6	1.43	0.83	0
CTG	0	-	584,972	2,470	12,583	1.54%	21.57%	9.39	2	1.16	1.84	#N/A

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 20/02/2013.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	539,510	REE	221,080
2	HPG	363,880	SBT	196,260
3	PVF	224,720	GMD	195,540
4	STB	217,780	CSM	106,800
5	OGC	202,120	TDH	100,200

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KLS	1,544,200	SCR	387,600
2	SHB	768,900	BVS	45,500
3	PVS	299,500	KHB	25,000
4	VCG	149,000	VKC	25,000
5	PVX	144,200	DID	14,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	9.3	9.5	↑ 2.15%	4,831,630
KBC	10.5	11.2	↑ 6.67%	3,502,110
HQC	6.1	6.4	↑ 4.92%	2,794,050
SAM	9.1	9.1	→ 0.00%	2,678,400
SSI	19.3	19.3	→ 0.00%	2,172,780

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	7.9	8.2	↑ 3.80%	15,442,262
PVX	7.8	8.3	↑ 6.41%	8,523,391
SCR	9.7	10.6	↑ 9.28%	7,899,765
KLS	11.1	11.3	↑ 1.80%	6,077,400
VND	10.9	11.2	↑ 2.75%	3,738,000

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DDM	1.3	1.4	0.1	↑ 7.69%
GIL	31.5	33.7	2.2	↑ 6.98%
CLW	13.0	13.9	0.9	↑ 6.92%
GTT	11.6	12.4	0.8	↑ 6.90%
RIC	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TH1	34.0	37.4	3.4	↑ 10.00%
VBC	24.0	26.4	2.4	↑ 10.00%
FDT	27.2	29.9	2.7	↑ 9.93%
GLT	12.1	13.3	1.2	↑ 9.92%
PRC	7.1	7.8	0.7	↑ 9.86%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
VSG	1.1	1.0	-0.1	↓ -9.09%
VNG	7.2	6.7	-0.5	↓ -6.94%
TMS	24.5	22.8	-1.7	↓ -6.94%
SEC	22.0	20.5	-1.5	↓ -6.82%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DST	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%
INN	19.0	17.1	-1.9	↓ -10.00%
VTC	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
DTC	4.1	3.7	-0.4	↓ -9.76%
SHA	12.5	11.3	-1.2	↓ -9.60%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	4,831,630	0.3%	40	235.2	0.7
KBC	3,502,110	-10.5%	(1,517)	-	0.8
HQC	2,794,050	2.8%	337	19.0	0.5
SAM	2,678,400	1.6%	288	31.6	0.5
SSI	2,172,780	7.8%	1,136	17.0	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	15,442,262	0.0%	(1)	-	0.8
PVX	8,523,391	-9.0%	(1,001)	-	0.9
SCR	7,899,765	3.8%	587	18.1	0.7
KLS	6,077,400	0.9%	109	103.9	0.9
VND	3,738,000	7.4%	789	14.2	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DDM	↑ 7.7%	5761.2%	(5,617)	(0.2)	(0.5)
GIL	↑ 7.0%	10.2%	3,019	11.2	1.2
CLW	↑ 6.9%	16.2%	2,274	6.1	1.0
GTT	↑ 6.9%	0.3%	28	449.0	1.2
RIC	↑ 6.9%	0.8%	123	50.3	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TH1	↑ 10.0%	3.5%	901	41.5	1.5
VBC	↑ 10.0%	31.9%	6,418	4.1	1.2
FDT	↑ 9.9%	2.0%	339	88.3	1.9
GLT	↑ 9.9%	17.8%	2,634	5.0	0.9
PRC	↑ 9.9%	4.2%	929	8.4	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	539,510	0.3%	40	235.2	0.7
HPG	363,880	2.2%	420	62.6	1.3
PVF	224,720	0.7%	76	178.1	1.2
STB	217,780	5.1%	734	30.1	1.6
OGC	202,120	3.8%	424	35.6	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KLS	1,544,200	0.9%	109	103.9	0.9
SHB	768,900	0.0%	(1)	-	0.8
PVS	299,500	17.9%	3,119	5.0	1.1
VCG	149,000	1.5%	220	63.3	1.2
PVX	144,200	-9.0%	(1,001)	-	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	87,928	38.8%	5,173	9.0	3.2
VNM	86,687	41.6%	6,981	14.9	5.6
MSN	79,724	8.7%	2,156	53.8	5.7
VCB	79,024	12.4%	2,238	15.2	1.9
VIC	62,183	18.4%	2,041	32.8	5.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	16,316	7.5%	988	17.6	1.3
SQC	8,800	12.7%	1,489	53.7	6.4
SHB	7,266	0.0%	(1)	-	0.8
PVS	6,924	17.9%	3,119	5.0	1.1
VCG	6,140	1.5%	220	63.3	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	2.82	-10.5%	(1,517)	-	0.8
DDM	2.54	5761.2%	(5,617)	-	(0.5)
ITA	2.36	0.3%	40	235.2	0.7
BVH	2.28	10.5%	1,835	32.4	3.4
LAF	2.23	-97.3%	(10,359)	-	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VIG	2.93	-25.5%	(1,860)	-	0.5
S96	2.68	-5.9%	(455)	-	0.6
PVV	2.59	-27.6%	(2,831)	-	0.4
PXA	2.57	-38.5%	(3,390)	-	0.5
PVL	2.55	-4.9%	(522)	-	0.5



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)